**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN VĨNH THUẬN**
TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: **32**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26-9-2018
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trần Thị Mỹ Vinh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* **1.** Bà Phan Thị Cẩm.

**2.** Bà Võ Thị Thúy An.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Trọng Nguyễn - Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa***: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/8/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Lê Minh Q, sinh năm 1973; HKTT: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- *Bị đơn*: Chị Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1971; HKTT: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2018; bản tự khai ngày 09/7/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Lê Minh Q trình bày*:

- *Về hôn nhân*: Anh Q và chị Đ chung sống với nhau năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B; sau khi kết hôn vợ chồng cùng chung sống ở ấp A, xã B; trong quá trình chung sống vợ chồng thường cự cãi nhau, cuộc sống không hạnh phúc đến năm 2016 thì vợ chồng ly thân cho đến nay. Nay anh Q xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên anh Q xin ly hôn với chị Đ.

- *Về con chung*: Anh Q xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 người con chung tên Lê Thị Như H, sinh ngày 03/12/2000 và Lê Thị Thúy H, sinh ngày 28/10/2002. Cháu Như H hiện đang sống chung với chị Đ, cháu Thúy H đang sống chung với anh Q. Anh Q yêu cầu nuôi dưỡng cháu Thúy H, không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng, giao cháu Như H cho chị Đ nuôi dưỡng, anh Q không cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Huỳnh Thị Đ để chị trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh Q cũng như tham gia các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng chị Đ không nộp bản tự khai cho Tòa án, cố tình trốn tránh, vắng mặt không rỏ lý do.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu*: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng tư cách tham gia tố tụng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định; tuy nhiên bị đơn vi phạm những quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa không lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Đ là đúng quy định. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh Q được ly hôn với chị Đ. Về con chung, đề nghị giao cháu Lê Thị Thúy H cho anh Q nuôi dưỡng, giao cháu Lê Thị Như H cho chị Đ nuôi dưỡng, anh Q và chị Đ không cấp dưỡng nuôi con do không có yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1]** *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn chị Huỳnh Thị Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của chị Đ không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử

áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Đ.

Nguyên đơn anh Q yêu cầu ly hôn với bị đơn chị Đ và có yêu cầu nuôi con chung. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết là phù hợp.

Do Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[2]** *Về nội dung vụ án*:

**[2.1]** *Về hôn nhân*: Anh Q và chị Đ xác lập quan hệ hôn nhân năm 2002, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, gia đình hai bên đã can thiệp hòa giải nhưng vẫn không đạt kết quả anh chị đã sống ly thân từ năm 2016. Nay anh Q cương quyết yêu cầu ly hôn nhưng chị Đ không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình, không có văn bản thể hiện ý kiến gì cho Tòa án xem xét, cố tình vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Mặt khác anh chị đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị đã trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đươc. Do đó áp dụng Điều 56 (*Ly hôn theo yêu cầu của một bên*) của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chấp nhận cho anh Q được ly hôn với chị Đ.

**[2.2]** *Về con chung*: Theo lời trình bày của anh Q và theo giấy khai sinh có cơ sở xác định trong thời gian chung sống Q và chị Đ có 02 người con chung tên Lê Thị Như H, sinh ngày 03/12/2000 và Lê Thị Thúy H, sinh ngày 28/10/2002; Cháu Như H hiện đang sống chung với chị Đ, cháu Thúy H đang sống chung với anh Q, anh Q yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Thúy H không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng cho con; giao cháu Như H cho chị Đ nuôi dưỡng, anh Q không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy từ khi vợ chồng ly thân đến nay cháu Như H sống chung với chị Đ, cháu Thúy H sống chung với anh Q thì cuộc sống của con được đảm bảo, có chính quyền địa phương xác nhận nên anh Q và chị Đ đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81 *(quy định về việc trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn)* của Luật hôn nhân và

gia đình 2014, giao cháu Lê Thị Thúy H cho anh Q nuôi dưỡng, giao cháu Lê Thị Như H cho chị Đ nuôi dưỡng; điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Như H và Thúy H. Anh Q và chị Đ được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

**[2.3]** *Về cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn*: Anh Q, chị Đ không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. (*Trừ trường hợp có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật*).

**[2.4]** *Về tài sản chung và nợ chung*: anh Q xác định trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung. Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[3]** *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nguyên đơn anh Lê Minh Q chịu toàn bộ.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

**1** - *Về hôn nhân*: Anh Lê Minh Q được ly hôn với chị Huỳnh Thị Đ.

**2** - *Về con chung*: Giao cháu Lê Thị Như H, sinh ngày 03/12/2000 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng (Cháu Như H hiện đang sống chung với chị Đ) và giao cháu Lê Thị Thúy H, sinh ngày 28/10/2002 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng (Cháu Thúy H hiện đang sống chung với anh Q); anh Q và chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Q và chị Đ được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản (*Trừ trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật)*.

**3** - *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh Q không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

**4** - *Án phí ly hôn sơ thẩm*: Anh Lê Minh Q chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005575 ngày 03/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

**5** - Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/9/2018); bị đơn chị Huỳnh Thị Đ vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện VT;
- UBND xã Vĩnh Bình Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
**Trần Thị Mỹ Vinh**
(Đã Ký)